

Bản án số: **08/2026/LĐ - ST**

Ngày: 05-03-2026

V/v “*Tranh chấp tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Thi Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cơ

Ông Nguyễn Công Chi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*
Bà Lương Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng đã xét xử công khai vụ án lao động thụ lý số 16/2025/TLST-LĐ ngày 26/12/2025 về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-LĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ F phường H, TP Đà Nẵng

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1992; Địa chỉ liên hệ: C T, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH M; Trụ sở: Lô A đường số C KCN H, phường L, TP Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn A, phường H, TP Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.

2/ Bảo hiểm xã hội cơ sở T, TP Đà Nẵng; Địa chỉ: Số B N, phường T, TP Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là ông Lê Xuân T trình bày:***

Bà (Nguyễn Thị H) và bà Nguyễn Thị P là hai chị em ruột, tháng 08 năm 2011 do gia đình bà H tại thời điểm đó khó khăn, bà P thì không có việc làm nhưng lại chưa đủ tuổi, là chị em ruột nên bà H có cho bà P mượn giấy tờ tùy thân là chứng minh nhân

dân để bà P xin việc làm, khi có giấy tờ của bà H bà P đã được Công ty TNHH M ký hợp đồng lao động và làm công nhân tại đây.

Do hạn chế hiểu biết về pháp luật, nên lúc đó bà H cũng không suy nghĩ gì, bà H đi làm tại Công ty M1 và tham gia đóng bảo hiểm bắt buộc với mã số BHXH: 4810009404. Sau đó bà H phát hiện ra tại thời điểm tháng 8 năm 2011 đến tháng 7 năm 2012 bà Nguyễn Thị P cũng đóng bảo hiểm lấy tên bà H tại Công ty TNHH M.

Như vậy Công ty TNHH M đã đóng bảo hiểm bắt buộc cho bà Nguyễn Thị P là 01 năm từ tháng 08 năm 2011 đến tháng 7 năm 2012 với mã số BHXH: 4811042005

Do vậy Công ty TNHH M nơi bà Nguyễn Thị P làm việc và Công ty M1 nơi bà Nguyễn Thị H làm việc đều tham gia đóng BHXH bắt buộc cho bà (Nguyễn Thị H) tại cơ quan BHXH, sự việc này dẫn đến bà H có 02 sổ BHXH: mã số: 4811042005 và 4810009404

Chính vì lý do nêu trên nên bà H không thể làm hồ sơ để hưởng chế độ một lần tại cơ quan BHXH

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bà H bị ảnh hưởng nên bà H làm đơn này đề nghị Tòa án các vấn đề sau:

Tuyên hợp đồng lao động đã ký tháng 8 năm 2011 giữa bà Nguyễn Thị H với Công ty TNHH M vì trong khoảng thời gian tháng 8 năm 2011 đến tháng 7 năm 2012 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động. Người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Nguyễn Thị P trong khi hợp đồng lao động mang tên bà Nguyễn Thị H.

Về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu chúng bà H không yêu cầu.

*** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Công ty TNHH M trình bày:**

Công ty đã tiến hành kiểm tra thông tin bà Nguyễn Thị H có nộp hồ sơ để làm việc tại Công ty TNHH M với thông tin sau:

Họ tên: Nguyễn Thị H; Ngày sinh: 10/04/1991; Số CMND: 201605901.

Quá trình bà H làm việc tại công ty:

- Mã số nhân viên 35737

- Ngày vào công ty: 05/07/2011

- Ngày ký hợp đồng lao động chính thức: 12/08/2011

- Ngày nghỉ việc: 11/08/2012

- Tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ 4811042005 từ tháng 08/2011 đến tháng 07/2012 (12 tháng)

Công ty thực hiện việc tuyển dụng bà H theo đúng quy định của pháp luật và quy trình tuyển dụng của Công ty. Trong thời gian bà H làm việc tại Công ty, Công ty đã thực hiện đóng BHXH theo quy định của Luật BHXH. Và khi bà H nghỉ việc, công ty đã giải quyết đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định pháp luật. Công ty không hề biết việc bà Nguyễn Thị P mượn chứng minh nhân dân của bà H để đến giao kết hợp đồng lao động với công ty, nhân danh bà H để ký kết và làm việc tại Công ty TNHH M. Nên đối với yêu cầu của bà H là "Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vô hiệu", Công ty sẽ tuân theo phán quyết của quý Tòa và không có ý kiến gì về vụ việc này. Tuy nhiên vì bà H đã kết thúc hợp đồng lao động tại công ty đã lâu

(trên 5 năm) nên hồ sơ và hợp đồng giấy không còn lưu trữ.

*** Quá trình tham gia tổ tụng, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày:**

Bà Nguyễn Thị P và B (Nguyễn Thị H) là hai chị em ruột, tháng 08 năm 2011 do gia đình khó khăn, bà P thì không có việc làm nhưng lại chưa đủ tuổi, là chị em ruột nên bà H có cho bà P mượn giấy tờ tùy thân là chứng minh nhân dân để xin việc làm, khi có giấy tờ của bà H thì bà P được Công ty TNHH M ký hợp đồng lao động và làm công nhân tại đây.

Như vậy Công ty TNHH M đã đóng bảo hiểm bắt buộc cho bà P là 01 năm từ tháng 08 năm 2011 đến tháng 7 năm 2012 với mã số sổ BHXH: 4811042005

Do vậy Công ty TNHH M nơi bà P làm việc và Công ty M1 nơi bà Nguyễn Thị H làm việc đều tham gia đóng BHXH bắt buộc cho bà (Nguyễn Thị H) tại cơ quan BHXH, sự việc này dẫn đến bà H có 02 sổ BHXH: mã số: 4811042005 và 4810009404

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án: Tuyên hợp đồng lao động giữa bà H tại thời điểm tháng 8 năm 2011 đến tháng 7 năm 2012 với Công ty TNHH M là vô hiệu do không đúng người lao động, bà P đồng ý và không có ý kiến gì. Về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động bà P không yêu cầu.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở T2 trình bày:**

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, CCCD: 048191008346, có các mã:

- Mã số BHXH 4810009404 có quá trình tham gia BHXH, Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) tại Công ty TNHH Đ từ tháng 06/2010 đến tháng 07/2010;

- Mã số BHXH 4811042005 có quá trình tham gia BHXH, BHTN tại Công ty TNHH M từ tháng 08/2011 đến tháng 07/2012;

Ngày 17/03/2021, BHXH thành phố Đ đã thực hiện gộp quá trình tham gia BHXH, BHTN từ mã số BHXH 4811042005 vào mã số BHXH 4810009404. Ngày 02/02/2023, Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Đ (cũ) ban hành Quyết định số 1254/QĐ-SLĐTBXH về việc Hưởng trợ cấp BHTN cho bà Nguyễn Thị H đối với mã số BHXH 4810009404. Thời gian được hưởng BHTN từ tháng 06/2010 đến tháng 11/2022.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện các quyền và nghĩa

vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó đề nghị HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H: tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH M trong khoảng thời gian từ tháng 08/2011 đến tháng 07/2012 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Nguyễn Thị P. Các đương sự trong vụ án không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về lao động giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn Công ty TNHH M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị P và Bảo hiểm xã hội TP Đà Nẵng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về thủ tục hòa giải tranh chấp lao động cá nhân trước khi khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị H đã nộp đơn yêu cầu hòa giải đến Sở Nội vụ, thành phố Đà Nẵng để yêu cầu hòa giải. Tại Công văn số 641/SNV-LĐVL ngày 24/12/2025 của Sở N cho rằng đối với việc người lao động mượn hồ sơ của người khác là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về luật áp dụng: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong khoảng thời gian từ tháng 08/2011 đến tháng 07/2012 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là .

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu tuyên bố đồng lao động đã ký giữa bà với Công ty TNHH M trong khoảng thời gian tháng 08/2011 đến tháng 07/2012 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động. Người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Nguyễn Thị P trong khi hợp đồng lao động mang tên bà Nguyễn Thị H.

Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị P và Công ty TNHH M đều xác nhận giữa bà P và Công ty TNHH M có ký hợp đồng lao động xác định thời hạn mang tên bà H nhưng thời gian đã lâu, bà P đã làm thất lạc hợp đồng, Công ty TNHH M cũng thừa nhận hiện tại, do thời gian ký kết hợp đồng từ năm 2011 đã quá lâu, Công ty đã tiêu hủy hồ sơ trên 15 năm nên hiện tại không còn lưu trữ.

Căn cứ vào Công văn số 31/BHXH-QLT đề ngày 14/01/2026 của Bảo hiểm

xã hội cơ sở T2 cung cấp thì xác định bà Nguyễn Thị H, số BHXH 4811042005 có quá trình tham gia BHXH, BHTN tại Công ty TNHH M từ tháng 08/2011 đến tháng 07/2012.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai của đương sự, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian tháng 08/2011 đến tháng 07/2012, bà Nguyễn Thị P đã mượn giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị H để ký hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH M và đóng bảo hiểm xã hội ở đây. Trong thời gian này, bà Nguyễn Thị H đi làm tại Công ty M1 và tham gia đóng bảo hiểm bắt buộc với mã số BHXH: 4810009404.

Như vậy, trong khoảng thời gian tháng 08/2011 đến tháng 07/2012, bà Nguyễn Thị H cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp. Do đó có cơ sở xác định bà H không trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH M, việc bà Nguyễn Thị P ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M nhưng với tên bà Nguyễn Thị H là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động nên có đủ căn cứ xác định hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H (thực chất người lao động là bà Nguyễn Thị P) và Công ty TNHH M là không có hiệu lực.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H (thực chất người lao động là bà Nguyễn Thị P) và Công ty TNHH M trong khoảng thời gian từ tháng 08/2011 đến tháng 07/2012 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, các đương sự trong vụ án không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty TNHH M phải chịu án phí 300.000 đồng nhưng bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 127, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 15, điều 16 khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH M trong khoảng thời gian 08/2011 đến tháng 07/2012 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

- Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự trong vụ án không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007743 ngày 26/12/2025 của Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4-ĐN;
- Phòng THADS khu vực 4-ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nguyễn Thi Thi